ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 74 /2024/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 23 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản và tỷ lệ quy đổi khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5302/TTr-STNMT ngày 13 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản và tỷ lệ quy đổi từ khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện xác định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật,

khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản và tỷ lệ quy đổi từ khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 2. Tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản

STT	Mỏ khoáng sản	Loại khoáng sản	Tỷ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai
1	Mỏ chì kẽm Bản Bó, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Chì (Pb)	0,102041
		Kẽm (Zn)	0,897959
2	Mỏ niken - đồng khu vực xã Quang Trung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Niken (Ni)	0,702487
		Đồng (Cu)	0,270647
		Coban (Co)	0,026866

Điều 3. Tỷ lệ quy đổi từ khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản

STT	Tên khoáng sản	Tỷ lệ quy đổi	Đơn vị tính
1	Khai thác tận thu khoáng sản thiếc tại các bãi thải của mỏ đã đóng cửa mỏ	40,0	Tấn nguyên khai/ tấn sản phẩm

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2025.

2. Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 Ban hành tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản đã qua sàng tuyển ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 sửa đổi, bổ sung mục V điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện xây dựng, xác định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích đối với khai thác khoáng sản và tỷ lệ quy đổi từ khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản khi có thay đổi hoặc phát sinh mỏ, khai thác tận thu khoáng sản tại bãi thải mới phải trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành quy định cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Sở TN&MT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, VPUBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh